**BỘ Y TẾ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**TÊN NGÀNH:** *Nội khoa*

**TRÌNH ĐỘ:** *Thạc sĩ*

**MÃ NGÀNH:** *8720107*

**Cần Thơ, năm 2022**

**BỘ Y TẾ BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**TÊN NGÀNH:** *Nội khoa*

**TRÌNH ĐỘ:** *Thạc sĩ*

**MÃ NGÀNH:** *8720107*

**Cần Thơ, năm 2022**

**MỤC LỤC**

[**A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH 3**](#_heading=h.30j0zll)

[1. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH 3](#_heading=h.1fob9te)

[2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH 4](#_heading=h.3znysh7)

[3. THÔNG TIN CHUNG 4](#_heading=h.2et92p0)

[4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO 5](#_heading=h.tyjcwt)

[5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 5](#_heading=h.4d34og8)

[6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA 6](#_heading=h.17dp8vu)

[7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH 6](#_heading=h.26in1rg)

[8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH 7](#_heading=h.lnxbz9)

[9. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC 8](#_heading=h.14ykbeg)

[10. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ 9](#_heading=h.1idq7dh)

[11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 9](#_heading=h.wnyagw)

[**B. MÔ TẢ HỌC PHẦN 11**](#_heading=h.2uxtw84)

[**C. TÀI LIỆU THAM KHẢO 13**](#_heading=h.302dr9l)

[1. Tài liệu giảng dạy 13](#_heading=h.1f7o1he)

[2. Tài liệu hướng dẫn tự học 14](#_heading=h.3z7bk57)

[**D. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, NHÀ KHOA HỌC THAM GIA GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN, MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 20**](#_heading=h.1smtxgf)

[**E. PHỤ LỤC 23**](#_heading=h.4cmhg48)

[PHỤ LỤC 1: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG 23](#_heading=h.2rrrqc1)

[PHỤ LỤC 2: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG 24](#_heading=h.16x20ju)

[PHỤ LỤC 3: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU CHI TIẾT VÀ CHUẨN ĐẦU RA 25](#_heading=h.261ztfg)

[PHỤ LỤC 4: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 26](#_heading=h.l7a3n9)

[PHỤ LỤC 5: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 28](#_heading=h.sabnu4)

[PHỤ LỤC 6: TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN 32](#_heading=h.4bewzdj)

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

CĐR: Chuẩn đầu ra

CS: Cơ sở

CTĐT: Chương trình đào tạo

ĐH: Đại học

HP: Học phần

HS: Hồi sức

HT: Hỗ trợ

KNLNNVN: khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

LT: Lý thuyết

MCQ: Multiple choice question

NCKH: Nghiên cứu khoa học

NLNMM: Ngoại lồng ngực mạch máu

PO: Program Objective

PLO: Program Learning Outcome

SM: Sứ mệnh

TC: Tín chỉ

TH: Thực hành

TLGD: Triết lý giáo dục

 BỘ Y TẾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 **CẦN THƠ** 

###

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

 *(Ban hành theo Quyết định số 4013*/QĐ-ĐHYDCT *ngày 29 tháng 12 năm 2022*

*của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)*

**A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH**

**1. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

Luật Giáo dục được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2019;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Nghị quyết số 372/NQ-HĐT-ĐHYDCT ngày 27/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

**2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình đào tạo thạc sĩ Nội khoa được xây dựng vào năm 2012, chương trình được cập nhật ít nhất hai năm 1 lần. Trưởng khoa quản lý chương trình phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành.

Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

Việc mở mã ngành đào tạo thạc sĩ Nội khoa là hết sức cần thiết và đã được xác định trong phương hướng, kế hoạch phát triển của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và đã được Hội đồng Trường quyết nghị thông qua.

Chương trình đào tạo bao gồm các học phần: học phần chung, học phần cơ sở, hỗ trợ, học phần chuyên ngành và đề án, trong đó: học phần chung 10 tín chỉ; học phần cơ sở 6 tín chỉ; học phần hỗ trợ 3 tín chỉ; học phần chuyên ngành 35 tín chỉ và đề án 6 tín chỉ.

Thời gian học tập trung 2 năm (thời gian kéo dài tối đa không vượt quá 2 lần thời gian chuẩn toàn khoá).

Khối lượng học tập: 60 tín chỉ.

Một tín chỉ lý thuyết = 15 tiết học trên lớp và 30 tiết tự học.

Một tín chỉ thực hành = 45 tiết.

Mỗi tiết giảng dạy trong 50 phút.

**3. THÔNG TIN CHUNG**

**Tên chương trình:** Thạc sĩ Nội khoa

**Trình độ:** Thạc sĩ

**Văn bằng tốt nghiệp:** Thạc sĩ Y học - Nội khoa

**Mã ngành đào tạo:** 8720107

**Thời gian đào tạo:** 2 năm (thời gian kéo dài tối đa không vượt quá 2 lần thời gian chuẩn toàn khoá)

**Loại hình đào tạo:** Chính quy tập trung

**Số tín chỉ yêu cầu:** 60

**Khoa quản lý:** Khoa Y

**Ngôn ngữ sử dụng:** Tiếng Việt

**Chứng nhận chất lượng:** (không)

**Website:** *http://www.ctump.edu.vn*

 *http://www.ctump.edu.vn/Default.aspx?tabid=820*

**4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

**4.1 Mục tiêu chung**

Đào tạo cán bộ có trình độ thạc sĩ chuyên ngành Nội khoa có kiến thức vững, kỹ năng thăm khám, chẩn đoán và điều trị được các bệnh lý nội khoa thường gặp; có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề mới tồn tại thuộc lĩnh vực nội khoa từ đó đề xuất các giải pháp can thiệp thích hợp; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong chẩn đoán và điều trị.

**4.2 Mục tiêu cụ thể**

 **- PO1.** Có kiến thức sâu về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh về các bệnh nội khoa.

**- PO2.** Chẩn đoán và điều trị được các bệnh lý nội khoa thường gặp và một số bệnh lý nội khoa khó.

**- PO3.** Xây dựng và thực hiện được kế hoạch dự phòng và phát hiện sớm bệnh liên quan đến chuyên ngành.

**- PO4.** Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong chẩn đoán và điều trị.

**5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

PLO1. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ những yêu cầu nghề nghiệp, chịu trách nhiệm với xã hội.

PLO2. Có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc văn bằng chứng chỉ tương đương. Vận dụng công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.

PLO3. Vận dụng khả năng tự học, tự nghiên cứu để thực hiện và phát triển các tiểu luận, đề án; ứng dụng kết quả nghiên cứu trong chẩn đoán và điều trị.

PLO4. Chẩn đoán và điều trị đúng các bệnh lí nội khoa thường gặp, chẩn đoán định hướng một số bệnh lý nội khoa khó.

PLO5. Xử trí đúng các trường hợp cấp cứu nội khoa, xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu khó, phức tạp và chuyển tuyến trên kịp thời.

PLO6. Thực hiện thuần thục các thủ thuật cơ bản nhằm giúp chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý nội khoa thường gặp.

PLO7. Thành lập và quản lý được phòng khám chuyên khoa hoặc khoa lâm sàng nội khoa.

PLO8. Xây dựng các tổ chức cộng đồng để tuyên truyền nhằm dự phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu các bệnh lí nội khoa thường gặp và sơ cứu ban đầu trong các tình huống cấp cứu.

**6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA**

**Chương trình thạc sĩ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối lượng kiến thức** | **Tín chỉ** | **Tỷ lệ % trên tổng số tín chỉ của CTĐT** |
| **1** | Phần kiến thức chung | 10 | 16,7% |
| **2** | Phần kiến thức cơ sở | 6 | 10% |
| **3** | Phần kiến thức hỗ trợ | 3 | 5% |
| **4** | Phần kiến thức chuyên ngành | 35 | 58,3% |
| **5** | Phần đề án | 6 | 10% |
| **Tổng cộng** | **60** | **100%** |

**7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

Hàng năm trường xây dựng đề án tuyển sinh với các nội dung chi tiết về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đào tạo phù hợp với năng lực đào tạo và các quy định về tuyển sinh do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành.

**8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

**Khung chương trình đã ban hành**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên học phần** | **Tín chỉ** |
| **TC** | **LT** | **TH** |
| **Phần chung** | 10 | 9 | 1 |
| **1** | **Triết học** | 3 | 3 | 0 |
| **3** | **Ng ngữ CN1** | 4 | 4 | 0 |
| **5** | **PPNCKH** | 3 | 2 | 1 |
| **Phần cơ sở** | 6 | 4 | 2 |
| **1** | **Sinh lý** | 3 | 2 | 1 |
| **2** | **Sinh lý bệnh-miễn dịch** | 3 | 2 | 1 |
| **3** | **Miễn dịch dị ứng lâm sàng** | 3 | 2 | 1 |
| **Phần hỗ trợ** | 3 | 1 | 2 |
| **1** | **Chẩn đoán hình ảnh** | 3 | 1 | 2 |
| **2** | **Tâm thần** | 3 | 1 | 2 |
| **Chuyên ngành** | 35 | 14 | 21 |
| **1** | **Tiêu hóa** | 5 | 2 | 3 |
| **2** | **Tim mạch** | 5 | 2 | 3 |
| **3** | **Nội tiết** | 5 | 2 | 3 |
| **4** | **Hô hấp** | 5 | 2 | 3 |
| **5** | **Thận** | 5 | 2 | 3 |
| **6** | **Khớp** | 5 | 2 | 3 |
| **7** | **Hồi sức cấp cứu** | 5 | 2 | 3 |
| **Đề án** | 6 | 0 | 6 |
| **Tổng cộng** | **60** | **28** | **32** |

**9. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC**

**9.1. Phương pháp giảng dạy**

- Lý thuyết:

+ Thuyết trình ngắn, gián đoạn

+ Hỏi đáp nhanh

+ Thảo luận nhóm

+ Báo cáo chuyên đề

+ Lớp học đảo ngược

- Thực hành lâm sàng tại cơ sở thực hành:

+ Thảo luận nhóm

+ Dạy-học dựa trên bài tập tình huống

+ Dạy-học bên giường bệnh

**9.2. Phương pháp học tập của người học**

- Lý thuyết:

+ Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi

+ Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận, nộp sản phẩm thảo luận

+ Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận

+ Nghiên cứu tài liệu, bài giảng, làm bài tập trước khi đến lớp

- Thực hành:

+ Trình bệnh, thảo luận ca lâm sàng đầu giường bệnh

+ Báo cáo ca lâm sàng, thảo luận lâm sàng

+ Lắng nghe, quan sát, thực hành

+ Thảo luận nhóm, động não, học dựa trên vấn đề

+ Khám bệnh và làm bệnh án

**9.3. Phương pháp hướng dẫn tự học**

- Nghiên cứu tài liệu, bài giảng, giải quyết tình huống theo yêu cầu.

- Soạn và báo cáo chuyên đề.

- Học trên người bệnh, nghiên cứu ca lâm sàng, làm bệnh án.

**10.1. Lý thuyết**

- Lượng giá quá trình:

+ Chuyên cần: tham gia hoạt động học tập bằng Rubric

+ Kiểm tra thường xuyên: làm pretest, câu hỏi ngắn, trắc nghiệm, nghiên cứu tình huống, báo cáo chuyên đề

- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm, câu hỏi tự luận

**10.2. Thực hành**

+ Đánh giá quá trình: Bệnh án, tình huống lâm sàng, thi lâm sàng ca ngắn.

+ Thi kết thúc học phần: thi lâm sàng ca dài cải tiến, Mini Cex, thực hành thao tác, kỹ thuật.

**11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**11.1. Quy trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm, với 6 học kỳ chính.

Học viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo qui chế đào tạo sau đại học theo quyết định số 18/2000/ QĐ-BGD&ĐT ngày 08/06/2000.

**11.2. Tổ chức đào tạo, thời gian và kế hoạch đào tạo**

Trường tổ chức đào tạo theo tín chỉ, đào tạo theo tín chỉ là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần cho phép học viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường; Học viên trình độ sau đại học của Trường được đào tạo theo tín chỉ.

Thời gian thiết kế của chương trình đào tạo thạc sĩ Nội khoa là 2 năm (thời gian kéo dài tối đa không vượt quá 2 lần thời gian chuẩn toàn khoá).

Học viên hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo theo thứ tự: học phần chung, học phần cơ sở, hỗ trợ, học phần chuyên ngành và đề án.

- Học phần chung: Triết học, Ngoại ngữ và Phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Học phần cơ sở: Sinh lý, Sinh lý bệnh-miễn dịch, Miễn dịch dị ứng lâm sàng.

- Học phần hỗ trợ: Chẩn đoán hình ảnh, Tâm thần.

- Học phần chuyên ngành: Tiêu hoá, Tim mạch, Thận, Hô hấp, Hồi sức cấp cứu, Nội tiết, Khớp.

- Đề án.

**11.3. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

a) Cuối mỗi học phần, Trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần.

b) Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.

**11.4. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

 Những học viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ và khối lượng của chương trình đào tạo bao gồm cả thi kết thúc khoá học.

**12. Vị trí việc làm và cơ hội nghề nghiệp**

 Các viện nghiên cứu, các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp y tế; các khoa Nội của các bệnh viện công lập và ngoài công lập.

**B. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã HP** | **Tên học phần** | **Mô tả học phần** |
| **Phần kiến thức chung** |
| 1 | CB03011 | Triết học | Cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về lịch sử triết học, nội dung cơ bản của các học thuyết ảnh hưởng đến đời sống của dân tộc Việt Nam, kiến thức nâng cao của Triết học Mác - Lênin và các chuyên đề thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ. |
| 3 | CB01011 | Ng ngữ CN1 | Giới thiệu các chủ điểm liên quan đến y học cấp cứu, sản khoa, huyết học, da liễu, phẫu thuật, tim mạch, hô hấp, và thuốc. Trang bị cho người học từ vựng và kỹ năng ngôn ngữ liên quan đến các chủ điểm đã được đề cập nhằm giúp người học sử dụng được ngoại ngữ trong học tập và nghiên cứu. |
| 5 | YT00031 | PPNCKH | Học phần cung cấp các kiến thức về về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu, đánh giá một nghiệm pháp chẩn đoán, cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học. |
| **Phần kiến thức cơ sở** |
| **1** | YY04031 | **Sinh lý** | Phân tích cơ chế phân tử của các hoạt động sinh lý của các cơ quan, hệ thống cơ quan và điều hòa chức năng của chúng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau, giữa cơ thể với môi trường; đây là cơ sở sinh lý để giải thích các rối loạn chức năng cơ quan, làm nền tảng giải thích các trường hợp bệnh lý, tác dụng dược lý và ứng dụng vào lâm sàng |
| **2** | YY05061 | Sinh lý bệnh-miễn dịch | Kiến thức nâng cao về sinh bệnh học của các bệnh lý tế bào, hội chứng chuyển hóa, vi tuần hoàn… và các bệnh lý miễn dịch lâm sàng |
| **3** | YY05031 | Miễn dịch dị ứng lâm sàng | Kiến thức nâng cao về các khái niệm miễn dịch học, đáp ứng miễn dịch và các bệnh lý miễn dịch lâm sàng |
| **Phần kiến thức hỗ trợ** |
| **1** | YY18011 | **Chẩn đoán hình ảnh** | Kiến thức về nguyên lý và kỹ thuật tạo hình cơ bản của năm chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh; những ứng dụng, thuận lợi và hạn chế của từng chuyên ngành trong y học. Học phần giúp cho học viên phát hiện hình ảnh bất thường, bệnh lý thường gặp của các cơ quan trong cơ thể |
| **2** | YY25531 | Tâm thần | Kiến thức về dịch tễ học, các cơ chế sinh lý bệnh, tiêu chuẩn chẩn đoán, xử trí được các tình huống cấp cứu tâm thần thường gặp. bên cạnh đó học viên phải biết ứng dụng được các hướng dẫn và quản lý tại cộng đồng cho những bệnh lý tâm thần mạn tính |
| **Phần kiến thức chuyên ngành** |
| 1 | YY09131, YY09401 | Tiêu hóa | Cung cấp cho học viên kiến thức về các bệnh tiêu hóa cơ bản để chẩn đoán và điều trị bệnh bao gồm triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, cơ chế, nguyên nhân, những phương pháp điều trị. |
| 2 | YY09141, YY09451 | Tim mạch | Cung cấp cho học viên một số kiến thức về các bệnh tim mạch cơ bản để chẩn đoán và điều trị bệnh bao gồm triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, cơ chế, nguyên nhân, phương pháp điều trị. |
| 3 | YY16041YY16201 | Nội tiết | Kiến thức và kỹ năng cần thiết như sinh bệnh học, lâm sàng, cận lâm sàng, các kỹ thuật can thiệp, các biện pháp dự phòng nhằm giúp người học thực hiện thành thục các thủ thuật cơ bản, chẩn đoán đúng, điều trị toàn diện, quản lý hiệu quả những bệnh lý nội tiết thường gặp cũng như định hướng được chẩn đoán đối với các bệnh lý nội tiết khó, hiếm gặp. |
| 4 | YY09041YY09171 | Hô hấp | Kiến thức, kỹ năng về các bệnh hô hấp cơ bản để chẩn đoán và điều trị bệnh bao gồm triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, cơ chế, nguyên nhân, những phương pháp điều trị, quản lý và dự phòng bệnh |
| 5 | YY09111, YY09351 | Thận | Nội dung chính gồm nguyên nhân, cơ chế, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng làm, những biện pháp điều trị để nhận biết, giải thích, giải quyết vấn đề và truyền đạt tình trạng bệnh lý hệ thận-tiết niệu; đồng thời, giúp tiên lượng biến chứng và hướng dẫn thực hành phòng bệnh |
| 6 | YY09091, YY09301 | Khớp | Kiến thức, kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao để chẩn đoán, điều trị và định hướng nghiên cứu các bệnh lý cơ xương khớp thường gặp bao gồm triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, cơ chế bệnh sinh, nguyên nhân, những phương pháp điều trị. |
| 7 | YY09061, YY09221 | Hồi sức cấp cứu | Kiến thức, kỹ năng trong chẩn đoán, xử trí các vấn đề thường gặp của hồi sức nội khoa, cấp cứu nội khoa và một số tình huống ngộ độc cấp thường gặp |

**C. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**1. Tài liệu giảng dạy**

| **STT** | **Học phần** | **Tên tài liệu** | **Số đăng ký cá biệt** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tiêu hóa | Huỳnh Hiếu Tâm, Kha Hữu Nhân (2022), *Giáo trình Tiêu hóa*, Trường Đại học Y dược Cần Thơ | GT.002342 |
| 2 | Tim mạch | Trần Viết An, Trần Kim Sơn (2022), *Giáo trình Tim mạch học, tập 1*, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ | GT.002307 |
| 3 | Nội tiết | Ngô Văn Truyền, Đoàn Thị Kim Châu (2022)*, Giáo trình Nội tiết chuyển ho)*, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ |  |
| 4 | Hô hấp | Nguyễn Văn Thành, Võ Phạm Minh Thư (2022), *Giáo trình hô hấp,* Trường Đại học Y dược Cần Thơ | GT.002347 |
| 5 | Thận | Nguyễn Như Nghĩa (2022), Giáo trình Thận học, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. | GT.002275 |
| 6 | Khớp | Trần Viết An, Trương Quang Phổ (2022), *Giáo trình Cơ xương khớp,* Trường Đại học Y dược Cần Thơ | GT.002302 |
| 7 | Hồi sức cấp cứu | Trần Viết An, Võ Minh Phương (2022), *Giáo trình Hồi sức cấp cứu*, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. | GT.002266 |

**2. Tài liệu hướng dẫn tự học**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học phần** | **Tên tài liệu** | **Số đăng ký cá biệt** |
| 1 | Tiêu hóa | Ngô Quý Châu, Nguyễn Lân Việt (2018), *Bệnh học Nội khoa tập 1 và 2*, Hà Nội, Nhà xuất bản Y học. | YCT.029696 |
| 2 | Tiêu hóa | Emad Qayed (2017), *Sleisenger and Fordtran's Gastrointestinal and Liver Disease*, 10th Edition, Elsevier. | YCTS.09164 |
| 3 | Tiêu hóa | Daniel K. Podolsky (2020), *Yamada’s Textbook of gastroenterology*, John Wiley & Sons | YCTS.06406 |
| 4 | Tiêu hóa | Daniel K. Podolsky (2018), *Harrison’s Principles of Internal Medicine 20th edition*, McGraw-Hill. | YCTS.06457 |
| 5 | Tim mạch | Đại học Y Hà Nội (2022), *Tim mạch can thiệp*, Nhà xuất bản Y học | YCT.038247 |
| 6 | Tim mạch | Hoàng Văn Sỹ và Quách Trọng Đức (2020), *Tiếp cận các vấn đề nội khoa thường gặp*, Nhà xuất bản Y học, Hồ Chí Minh. | YCT.034900 |
| 7 | Tim mạch | Peter Libby (2022), *Braunwald’s heart disease: a textbook of cardiovascular medicine*, 12th.ed., Elsevier | YCTS.08727 |
| 8 | Tim mạch | Joseph Loscalzo (2017), *Harrison’s Cardiovascular Medicine*, 3rd.ed., McGraw-Hill Education | YCTS.06370 |
| 9 | Tim mạch | Marco Tubaro (2021), *The ESC Textbook of Intensive and Acute Cardiovascular Care*, Oxford University Press | YCTS.08731 |
| 10 | Tim mạch | Lee G and Andrew I.S (2020), *Goldman-Cecil Medicine 26th edition*, Elsevier. | YCTS.08728 |
| 11 | Nội tiết | Ngô Quý Châu, Nguyễn Lân Việt (2018), *Bệnh học Nội khoa tập 1 và 2*, Hà Nội, Nhà xuất bản Y học. | YCT.029696 |
| 12 | Nội tiết | Larry J. et al. (2018), *Harrison's Principles of Internal Medicine, 20th edition, 2*, MGraw-Hill Global Education, New York. | YCTS.07994 |
| 13 | Nội tiết | Melmed S. et al. (2019), *Williams Textbook of Endocrinology*, 14th edition, Elsevier. | YCTS.08016 |
| 14 | Hô hấp | Global Initiative for Asthma (2022), *Sổ tay hướng dẫn và điều trị dự phòng hen phế quản: cho người lớn và trẻ em trên 5 tuổi*, Global Initiative for Asthma | YCTS.008946 |
| 15 | Hô hấp | Melissa L. Rosado-de-Christenson, Santiago Martínez-Jiménez (2022), *Diagnostic Imaging Chest*, Elsevier | YCTS.008945 |
| 16 | Hô hấp | Hội hô hấp Việt Nam (2022), *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh phổi kẽ*, Hội hô hấp Việt Nam | YCTS.008947 |
| 17 | Hô hấp | Robert J. Mason MD (2022), *Murray and Nadel's textbook of respiratory medicine, seventh edition*, Elservier | YCTS.008948 |
| 18 | Thận | Ngô Quý Châu (2018), *Bệnh học Nội khoa tập 1và 2*, Hà Nội, Nhà xuất bản Y học. | YCT.029696 |
| 19 | Thận | Hoàng Văn Sỹ và Quách Trọng Đức (2020), *Tiếp cận các vấn đề nội khoa thường gặp,* Nhà xuất bản Y học, Hồ Chí Minh. | YCT.034900 |
| 20 | Thận | Ngô Quý Châu, Nguyễn Lân Việt (2018), *Bệnh học Nội khoa tập 1 và 2*, Hà Nội, Nhà xuất bản Y học. | YCT.029696 |
| 21 | Thận | Hoàng Văn Sỹ và Quách Trọng Đức (2020), *Tiếp cận các vấn đề nội khoa thường gặp*, Nhà xuất bản Y học, Hồ Chí Minh. | YCT.034900 |
| 22 | Thận | Connie M. Rhee (2019), *Endocrine Disorders in Kidney Disease: Diagnosis and Treatment*, Springer | YCTS.05713 |
| 23 | Khớp | Vũ Đình Hùng, Nguyễn Đình Khoa (2020), *Bệnh học những bệnh cơ xương khớp thường gặp*, Nhà xuất bản Y học. | YCT.041131 |
| 24 | Khớp | Antony S. Fauci (2017), *Harrison’s Rheumatology*, 4th edition, MGraw-Hill Global Education, New York | YCTS.00508 |
| 25 | Khớp | Firestein, Gary S (2021), *Kelley and Firestein's Textbook of Rheumatology*, 11th Edition, Elsevier | YCT.037880 |
| 26 | Hồi sức cấp cứu | Bộ Y tế (2020), *Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh Chuyên ngành Hồi sức - Cấp cứu - Chống độc*, Nhà xuất bản Y học. | YCT.040664 |
| 27 | Hồi sức cấp cứu | Vũ Văn Đính, Nguyễn Quốc Anh (2021), *Hồi sức cấp cứu toàn tập*, Nhà xuất bản Y học. | YCT.038654 |
| 28 | Hồi sức cấp cứu | Parrillo J. E and Dellinger R. P (2019), *Critical Care Medicine: Principles of Diagnosis and Management in the Adult*, Elsevier. | YCT.036948 |
| 29 | Hồi sức cấp cứu | Kollef M. H, Isakow W, Burks A. C, Despotovic V (2018), *The Washington Manual of Critical Care South Asian Edition adapted for local practices, conditions, and therapeutics*, Wolters Kluwer. | YCTS.07938 |
| 30 | Hồi sức cấp cứu | Nelson L. S, Howland M. A, Lewin N. A, Goldfrank L. R, Smith S. W, Hoffman R. S (2019), *Goldfrank's Toxicologic Emergencies Eleventh Edition*, McGraw-Hill Education. | YCTS.008943 |

**D. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, NHÀ KHOA HỌC THAM GIA GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN, MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NỘI KHOA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên** | **Học phần giảng dạy** | **Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)** | **Số tín chỉ** | **Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/huớng dẫn luận văn, luận án** |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** |
| **Học trực tiếp** | **Học trực tuyến** | **Học trực tiếp** | **Học trực tuyến** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* |
|  | ThS Đinh Văn PhươngTS Trần Thị Hồng LêThS Lương Thị Hoài ThanhThS Lê Chí NhânThS Nguyễn Thanh Trạng | Triết học | Học kỳ 1, năm thứ 1 | 03 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy |
|  | ThS Nguyễn Thị Tuyết MinhThS Lâm Thị Thủy TiênThS Âu Xuân SâmThS Nguyễn Thanh HùngThS Lê Hà Lan Phương | Ngoại ngữ CN | Học kỳ 1, năm thứ 1 | 04 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy |
|  | PGS. TS. Nguyễn Trung KiênTS Lê Minh Hữu | PP Nghiên cứu khoa học | Học kỳ 1, năm thứ 1 | 03 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn luận án |
|  | PGS. TS. Nguyễn Trung KiênTS Trần Thái Thanh TâmTS Nguyễn Hồng Hà | Sinh lý | Học kỳ 1, năm thứ 1 | 03 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn luận án |
|  | TS Đỗ Hoàng LongTS Dương Thị LoanTS Trịnh Thị Hồng CủaPGS. TS. Trần Ngọc DungTS Đinh Thị Hương Trúc | Sinh lý bệnh miễn dịch | Học kỳ 1, năm thứ 1 | 03 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn luận án |
|  | TS Nguyễn Văn Thống | Tâm thần | Học kỳ 1, năm thứ 1 | 03 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn luận án |
|  | TS Nguyễn Vũ Đằng | Chẩn đoán hình ảnh | Học kỳ 1, năm thứ 1 | 03 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn luận án |
|  | PGS. TS. Trần Viết AnTS Nguyễn Thị DiễmTS Trần Kim Sơn PGS. TS. Huỳnh Kim Phượng TS Huỳnh Trung Cang TS Bùi Thế Dũng | Tim mạch | Học kỳ 2,3 năm thứ 1 và học kỳ 1-3 năm thứ 2 | 05 TC |  |  |  | Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình, chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, hướng dẫn luận văn, luận án |
|  | TS Huỳnh Hiếu TâmTS Nguyễn Thanh Liêm | Tiêu hóa | Học kỳ 2,3 năm thứ 1 và học kỳ 1-3 năm thứ 2 | 05 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, huớng dẫn luận văn, luận án |
|  | TS Cao Thị Mỹ Thúy TS Võ Phạm Minh Thư TS Nguyễn Văn Thành | Hô hấp | Học kỳ 2,3 năm thứ 1 và học kỳ 1-3 năm thứ 2 | 05 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, huớng dẫn luận văn, luận án |
|  | TS Ngô Văn TruyềnTS Phan Hữu Hên | Nội tiết  | Học kỳ 2,3 năm thứ 1 và học kỳ 1-3 năm thứ 2 | 05 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, huớng dẫn luận văn, luận án |
|  | TS Nguyễn Như Nghĩa | Thận | Học kỳ 2,3 năm thứ 1 và học kỳ 1-3 năm thứ 2 | 05 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, huớng dẫn luận văn, luận án |
|  | PGS. TS. Lê Anh ThưTS Trương Quang Phổ | Cơ xương khớp | Học kỳ 2,3 năm thứ 1 và học kỳ 1-3 năm thứ 2 | 05 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, huớng dẫn luận văn, luận án |
|  | TS Võ Minh PhươngTS Lê Văn MinhTS Hà Tấn ĐứcThS. GVC Phạm Thuy Thùy | Hồi sức cấp cứu | Học kỳ 2,3 năm thứ 1 và học kỳ 1-3 năm thứ 2 | 05 TC |  |  |  | Chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, huớng dẫn luận văn, luận ánChuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy |

**E. PHỤ LỤC**

**PHỤ LỤC 1: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG**

**Bảng 1. Ma trận tương thích giữa POs và triết lý giáo dục, sứ mạng của trường**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **POs****TLGD, SM** | **PO1** | **PO2** | **PO3** | **PO4** |
| **Trí tuệ** | M | M | M | M |
| **Y đức** | R | R | R | M |
| **Sáng tạo** | M | M | M | M |
| **Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao** | M | M | M | M |
| **Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ** | M | M | M | M |
| **Chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân** | M | M | M | M |

**PHỤ LỤC 2: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, SỨ MẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG**

**Bảng 2. Ma trận tương thích giữa PLOs và triết lý giáo dục, sứ mạng của trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLOs****TLGD, SM** | **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO5** | **PLO6** | **PLO7** | **PLO8** |
| **Trí tuệ** | R | M | M | M | M | M | M | M |
| **Y đức** | M | I | R | M | M | M | M | M |
| **Sáng tạo** | I | M | M | R | R | R | M | M |
| **Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao** | I | M | M | M | M | M | M | M |
| **Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ** | I | M | R | R | R | R | R | R |
| **Chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân** | I | R | R | M | M | M | M | M |

**PHỤ LỤC 3: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA MỤC TIÊU CHI TIẾT VÀ CHUẨN ĐẦU RA**

**Bảng 3. Ma trận tương thích giữa POs và PLOs**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **PLOs****POs** | **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO5** | **PLO6** | **PLO7** | **PLO8** |
| **PO1** | I | R | R | M | M | M | M | M |
| **PO2** | I | R | R | M | M | M | R | R |
| **PO3** | R | R | M | R | R | R | M | M |
| **PO4** | I | M | M | M | M | M | M | M |

**PHỤ LỤC 4: MA TRẬN TƯƠNG THÍCH GIỮA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **PLOs** |
| **1** | 2 | **3** | **4** | **5** | 6 | **7** | **8** |
| 1 | **Triết học** | **3** | M,A | I | R,A | - | - | - | - | I |
| 2 | **Ng ngữ CN1** | **4** | I, A | M, A | R | - | - | - | - | - |
| 3 | **PPNCKH** | **3** | I | I | M,A | I | I | I | I | R |
| 4 (4,5,6 chọn 2 trong 3) | **Sinh lý** | **3** | - | M | R | M,A | R | I | I | I |
| 5 | **Sinh lý bệnh-miễn dịch** | **3** | I | I | I | R | R | R | R | I |
| 6 | **Miễn dịch dị ứng lâm sàng** | **3** | I | I | I | R | R | R | R | I |
| 7  | **Chẩn đoán hình ảnh** | **3** | **I** | **R** | **I** | **M,A** | **M,A** | **I** | **I** | **I** |
| 8 | **Tâm thần** | **3** | R | R | M | M | M | M | M | R |
| 9 | **Tiêu hóa** | **5** | R | R | M | M,A | M,A | M,A | R | M |
| 10 | **Tim mạch** | **5** | R | R | M | M,A | M,A | M,A | R | M |
| 11 | **Nội tiết** | **5** | R | R | M | M,A | M,A | M,A | R | M |
| 12 | **Hô hấp** | **5** | R | R | M | M,A | M,A | M,A | R | M |
| 13 | **Thận** | **5** | R | R | M | M,A | M,A | M,A | R | M |
| 14 | **Khớp** | **5** | R | R | M | M,A | M,A | M,A | R | M |
| 15 | **Hồi sức cấp cứu** | **5** | R | R | M | M,A | M,A | M,A | R | M |
| 16 | **Đề án** | **06** | **I** | **R** | M,A | R | R | R | R | R |

**PHỤ LỤC 5: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**5.1. Dưới đây là bảng so sánh kết cấu kiến thức toàn khóa học trong chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Trường Đại học Y Dược Cần Thơ** | **Trường Đại học Y Dược TP.HCM** | **Trường Đại học Y Hà Nội** | **University Sains Malaysia** |
| Khối lượng học tập | Số tín chỉ | Số tín chỉ | Số tín chỉ |  |
| TS | LT | TH | TS | LT | TH | TS | LT | TH | TS | LT | TH |
| Phần chung | Định hướng nghiên cứu | 10 | 9 | 1 | 5 | 5 | 0 | 7 | 7 | 0 | - | - | - |
| Định hướng ứng dụng  | 10 | 9 | 1 | 5 | 5 | 0 | 7 | 7 | 0 | - | - | - |
| Phần cơ sở | Định hướng nghiên cứu | 6 | 4 | 2 | 8 | 6 | 2 | 8 | 6 | 2 | - | - | - |
| Định hướng ứng dụng | 6 | 4 | 2 | 8 | 6 | 2 | 8 | 6 | 2 | - | - | - |
| Phần hỗ trợ | Định hướng nghiên cứu | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Định hướng ứng dụng | 3 | 1 | 2 | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Phần chuyên ngành | Định hướng nghiên cứu | 20 | 8 | 12 | 23 | 16 | 7 | 33 | 17 | 16 | - | - | - |
| Định hướng ứng dụng | 35 | 14 | 21 | 35 | 18 | 17 | 46 | 12 | 34 | - | - | - |
| Chuyên đề nghiên cứu | Định hướng nghiên cứu | 12 | 0 | 12 | 12 | 12 | 0 | - | - | - | - | - | - |
| Định hướng ứng dụng | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Thực tập | Định hướng nghiên cứu | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Định hướng ứng dụng | - | - | - | 6 | 0 | 6 | - | - | - | - | - | - |
| Luận văn | Định hướng nghiên cứu | 12 | 0 | 12 | 12 | 0 | 12 | 12 | 12 | 0 | - | - | - |
| Định hướng ứng dụng | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Đề án | Định hướng nghiên cứu | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Định hướng ứng dụng | 6 | 0 | 6 | 6 | 0 | 6 | 6 | 0 | 6 | - | - | - |
| Tổng | Định hướng nghiên cứu | 60 | 21 | 39 | 60 | 39 | 21 | 60 | 42 | 18 | - | - | - |
| Định hướng ứng dụng | 60 | 28 | 32 | 60 | 29 | 31 | 67 | 31 | 36 | - | - | - |

**5.2. Về chi tiết học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trường Đại học Y Dược Cần Thơ** | **Trường Đại học Y Dược TP.HCM** | **Đại học Y Hà Nội** |
| Tên học phần | Định hướng NC | Định hướng UD | Tên học phần | Định hướng NC | Định hướng UD | Tên học phần | Định hướng NC | Định hướng UD |
| Tổng số TC | Phân bố tín chỉ | Tổng số TC | Phân bố TC | Tổng số TC | Phân bố TC | Tổng số TC | Phân bố TC | Tổng số TC | Phân bố TC | Tổng số TC | Phân bố TC |
| LT | TH | LT | TH | LT | TH | LT | TH | LT | TH | LT | TH |
| **KIẾN THỨC CHUNG** |
| Triết học | 3 | 3 | 0 | 3 | 3 | 0 | Triết học | 3 | 3 | 0 | 3 | 3 | 0 | Triết học | 3 | 3 | 0 | 3 | 3 | 0 |
| NN chuyên ngành  | 4 | 4 | 0 | 4 | 4 | 0 | Ngoại ngữ | 2 | 2 | 0 | 2 | 2 | 0 | Ngoại ngữ | - | - | - | - | - | - |
| PPNCKH | 3 | 2 | 1 | 3 | 2 | 1 |  |  |  |  |  |  |  | PPNCKH | 2 | 2 | 0 | 2 | 2 | 0 |
| **KIẾN THỨC CƠ SỞ, HỖ TRỢ**  |
| Sinh lý | 3 | 2 | 1 | 3 | 2 | 1 | Sinh học phân tử | 2 | 2 | 0 | 2 | 2 | 0 | Hóa sinh lâm sàng | 2 | 2 | 0 | 2 | 2 | 0 |
| Sinh lý bệnh miễn dịch/Miễn dịch dị ứng lâm sàng | 3 | 2 | 1 | 3 | 2 | 1 | Y đức – Xã hội học | 2 | 2 | 0 | 2 | 2 | 0 | Sinh lý bệnh | 2 | 2 | 0 | 3 | 3 | 0 |
|  |  |  |  |  |  |  | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 | Hồi sức cấp cứu | 4 | 2 | 2 | 2 | 2 | 0 |
|  |  |  |  |  |  |  | Thống kê y học | 2 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 | - | - | - | - | - | - | 0 |
| **KIẾN THỨC NGÀNH** |
|  | Chọn 4 trong 7 | Học cả 7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hô hấp | 5 | 2 | 3 | 5 | 2 | 3 | KT Nội khoa tổng quát | 4 | 4 | 0 | 4 | 4 | 0 | Hô hấp – Tiêu hóa | 5 | 2 | 3 | 5 | 2 | 3 |
| Tiêu hóa | 5 | 2 | 3 | 5 | 2 | 3 | KT Nội khoa nâng cao | 4 | 4 | 0 | 4 | 4 | 0 | Thận - Nội tiết | 4 | 1 | 3 | 4 | 1 | 3 |
| Tim mạch | 5 | 2 | 3 | 5 | 2 | 3 | Hô hấp | 2,5 | 2 | 0,5 | 5 | 2 | 3 | Tim mạch – CXK | 4 | 1 | 3 | 2 | 1 | 1 |
| Nội tiết | 5 | 2 | 3 | 5 | 2 | 3 | Thận  | 2,5 | 2 | 0,5 | 5 | 2 | 3 | Huyết học – Lão khoa | 2 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 |
| Hô hấp | 5 | 2 | 3 | 5 | 2 | 3 | Tiêu hóa | 2,5 | 2 | 0,5 | 5 | 2 | 3 | Chuyên ngành 1 | 6 | 4 | 2 | 6 | 4 | 2 |
| Thận  | 5 | 2 | 3 | 5 | 2 | 3 | Tim mạch | 2,5 | 2 | 0,5 | 5 | 2 | 3 | Chuyên ngành 2 | 6 | 4 | 2 | 6 | 4 | 2 |
| Khớp | 5 | 2 | 3 | 5 | 2 | 3 | Định hướng lâm sàng trong nghiên cứu | 5 | 0 | 5 | 5 | 0 | 5 | Chuyên ngành 3 | 6 | 4 | 2 | 6 | 4 | 2 |
| HSCC | 5 | 2 | 3 | 5 | 2 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Chuyên đề/Thực tập*** |
|  | Chọn 4 trong 7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hô hấp | 3 | 0 | 3 | - | - | - | Bệnh học lâm sàng/Dấu ấn sinh học bệnh TM  | 3 | 3 | 0 | 2 | 0 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu hóa | 3 | 0 | 3 | - | - | - | Cận lâm sàng/Nội soi tiêu hoá cơ bản | 3 | 3 | 0 | 2 | 0 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| Tim mạch | 3 | 0 | 3 | - | - | - | Cập nhật chẩn đoán và điều trị/Khí máu động mạch | 3 | 3 | 0 | 2 | 0 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| Nội tiết | 3 | 0 | 3 | - | - | - | Các vấn đề liên quan luận văn | 3 | 3 | 0 | - | - | - |  |  |  |  |  |  |  |
| Hô hấp | 3 | 0 | 3 | - | - | - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Thận  | 3 | 0 | 3 | - | - | - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Khớp | 3 | 0 | 3 | - | - | - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| HSCC | 3 | 0 | 3 | - | - | - |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **LUẬN VĂN hoặc ĐỀ ÁN** |
| Luận văn tốt nghiệp | 12 | 0 | 12 | - | - | - | Luận văn tốt nghiệp | 12 | 0 | 12 | - | - | - | Luận văn tốt nghiệp | 12 | 0 | 12 | - | - | - |
| Đề án  | - | - | - | 6 | 0 | 6 | Đề án  | - | - | - | 6 | 0 | 6 | Đề án  | - | - | - | 6 | 0 | 6 |
| **TỔNG CỘNG** | 60 |  |  | 60 |  |  |  | 60 |  |  | 60 |  |  |  | 60 |  |  | 67 |  |  |

**PHỤ LỤC 6: TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
Khảo sát ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra, mục tiêu, chương trình đào tạo,**

**hoạt động đào tạo học phần, hoạt động giảng dạy**

**chương trình Thạc sĩ Nội khoa năm 2022**

**I. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT**

**1.1. Mục đích thực hiện**

- Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, năng lực cần đạt được khi tốt nghiệp của người học.

- Nâng cao chất lượng quản lý đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra; xác định rõ nghĩa vụ và nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên trong các hoạt động giảng dạy, phục vụ giảng dạy và quản lý nhằm giúp người học vươn lên trong học tập và tự học để đạt chuẩn đầu ra.

- Là cơ sở để công khai đến người học biết được các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp một chuyên ngành, một trình độ về chuẩn năng lực nghề nghiệp, về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp.

**2. Tổ chức khảo sát
2.1. Phạm vi và đối tượng khảo sát**

- Đối tượng khảo sát

5 nhà tuyển dụng

Giảng viên giảng dạy chương trình

Học viên

Cựu học viên

- Việc khảo sát ý kiến áp dụng cho chuẩn đầu ra, mục tiêu chương trình, nội dung chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo học phần, hoạt động giảng dạy đào tạo ngành Thạc sĩ Nội khoa.

**2.2. Nội dung khảo sát**

Phiếu khảo sát ý kiến các bên liên quan về:

- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

- Mục tiêu chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo

- Hoạt động đào tạo học phần

- Hoạt động giảng dạy

**2.3. Phương pháp, hình thức khảo sát, thời gian khảo sát**

- Quy trình thực hiện được đảm bảo đúng theo nguyên tắc khảo sát, và các bước trong kế hoạch. Mỗi lần thực hiện khảo sát, không thực hiện khảo sát quá 2 nội dung và bộ câu hỏi không quá 15 câu.

- Thang đánh giá:

+ Thang đánh giá gồm 5 bậc:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Không hài lònghoặc Rất kém | Hài lòng íthoặc Kém | Tạm chấp nhậnhoặc Trung bình | Hài lòngHoặc Tốt | Hoàn toàn hài lòngHoặc Rất tốt |

+ Thang điểm được tính:

Mức độ đồng ý = Tỷ lệ của bậc 3 + Tỷ lệ của bậc 4

Điểm trung bình = bậc 0\* 0.2+ bậc 1\* 0.4 + bậc 2\* 0.6+ bậc 3\*0.8 + bậc 4\*1

+ Thang đánh giá chung:

Điểm trung bình của biến số:

Yếu: <50, trung bình: 50-<65, khá: 65-<80, tốt: 80-85, rất tốt: >85-90, xuất sắc: >90.

- Các câu hỏi mở để người tham gia khảo sát đóng góp thêm các ý kiến.

**II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

**2.1. Chuẩn đầu ra**

Điểm đồng thuận chung về CĐR CTĐT đạt mức xuất sắc 90.22%. Điểm cao nhất ở CĐR số 1 và 4 và thấp nhất ở CĐR số 8. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định cụ thể, đảm bảo tính định lượng, có thể đo lường, giám sát được, phản ánh được yêu cầu và nhu cầu của các đối tượng liên quan và thị trường lao động, điểm đồng thuận cao.

Ý kiến khác: cần tăng cường kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. CĐR số 8 về xây dựng kế hoạch dự phòng chưa thật sự phù hợp với chương trình Thạc sĩ Nội khoa.

**2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo**

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Thạc sĩ Nội khoa đạt điểm đồng thuận rất tốt dao động từ 86,9-89,2 tùy vào đối tượng khảo sát. Mục tiêu CTĐT chưa có sự phân định khác biệt giữa chương trình Thạc sĩ Nội khoa nghiên cứu và ứng dụng. Đồng thời, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ là nơi đóng vai trò quan trọng trong đào tạo nhân lực y tế vùng ĐBSCL, mục tiêu CTĐT chưa nhận thấy sự gắn kết với việc thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển vùng. Đề nghị nghiên cứu khoa học nên liên kết và ưu tiên ứng dụng kết quả với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

**2.3. Về chương trình đào tạo**

Về hình thức quyển chuyên ngành đào tạo, 100% các bên liên quan đồng ý thông qua hình thức quyển chương trình đào tạo, cần chỉnh sửa theo các góp ý:

- Một số lỗi chính tả, thuật ngữ, viết hoa, viết tắt, câu quá dài, định đạng các bảng.

- Tài liệu tham khảo chưa được tình bày một cách thống nhất trong tất cả các học phần.

Về nội dung chương trình đào tạo, tỷ lệ đồng thuận của các bên dao động trong khoảng tốt đến rất tốt, cụ thể từ 83,5-88,7.

+ Khối lượng kiến thức trong chương trình với 60 tín chỉ cho 6 học kỳ, đạt tỷ lệ đồng thuận rất cao khi có sự phù hợp về phân bổ thời gian, khối lượng kiến thức và thời gian tự học.

Nhà sử dụng lao động, giảng viên và học viên có đề xuất bổ sung học phần Truyền nhiễm/Bệnh nhiệt đới vào khối kiến thức chuyên ngành với hai lý do sau đây: (1) Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là vùng dịch tễ học của các bệnh lý truyền nhiễm do đặc điểm khí hậu hai mùa mưa-nắng, (2) Trường Đại học Y Dược Cần Thơ mang sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực y tế cho vùng, nhưng hiện tại trường chưa có mã ngành Sau đại học Truyền nhiễm, do đó việc tiếp tục giảng dạy học phần này trong chương trình Thạc sĩ Nội khoa là cần thiết.

+ Đối với học phần hỗ trợ, do có sự giao nhau giữa Sinh lý và Sinh lý bệnh miễn dịch, học viên có đề xuất học những học phần hỗ trợ khác mang tính bao phủ và toàn diện hơn như Hoá sinh lâm sàng, Sinh học di truyền, Sinh học phân tử.

**2.4. Về hoạt động đào tạo học phần**

Tỷ lệ đồng thuận của các bên dao động trong khoảng tốt đến rất tốt. Cần rà soát lại sự phân bố giữa các tín chỉ lý thuyết và thực hành, sao cho phù hợp nhất với từng môn học.

**2.5. Về hoạt động giảng dạy**

Tỷ lệ đồng thuận đạt mức tốt đến rất tốt (81,8-85,9). Nhà sử dụng lao động và giảng viên đề nghị:

+ Cần nâng cao hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh hoạt khoa học, báo cáo chuyên đề, giảng dạy sinh viên với Thạc sĩ Nội khoa, đặc biệt là Thạc sĩ Nội khoa định hướng nghiên cứu.

+ Các học phần chuyên đề trong chương trình Thạc sĩ Nội khoa định hướng nghiên cứu cần được làm rõ, thể hiện sự khác biệt với các học phần chuyên ngành trước đó.

+ Thời gian học tập thực tế tăng cường tại các cơ sở bệnh viện cho phép học viên có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học và tích lũy những kiến thức thực tế hữu ích, đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng ngay khi còn đang học và lựa chọn được nơi làm việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

**III. KẾT LUẬN VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

**3.1. Kết luận**

Nhằm phục vụ cho hoạt động điều chỉnh, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Thạc sĩ Nội khoa năm 2024, Bộ môn Nội khoa Y đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan gồm nhà sử dụng lao động, giảng viên, học viên, cựu học viên. Kết quả thu được từ các bên liên quan cho thấy:

+ Hầu hết các nội dung về chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình đào tạo đều được đánh giá đồng ý với tỷ lệ rất cao, đạt mức từ rất tốt đến xuất sắc.

+ Về chương trình đào tạo, mức độ đồng thuận đạt tốt đến rất tốt. Tuy nhiên cần xem xét lại sự phân bổ học phần trong chương trình đào tạo và rà soát lại sự đáp ứng của học phần với chuẩn đầu ra, mục tiêu chương trình.

+ Về hoạt động đào tạo học phần, mức độ đồng thuận đạt tốt đến rất tốt. Tuy nhiên cần rà soát lại tỷ lệ phân bố giữa số tín chỉ lý thuyết và thực hành trong từng học phần.

+ Về hoạt động giảng dạy, tỷ lệ đồng thuận đạt mức tốt đến rất tốt. Cần làm rõ những điểm quan trọng trong hoạt động giảng dạy, thể hiện sự khác biệt trong đáp ứng chuẩn đầu ra giữa Thạc sĩ Nội khoa nghiên cứu và ứng dụng, đồng thời cần tăng cường thời gian học tập thực tế tại các cơ sở bệnh viện.

**3.2. Sử dụng kết quả khảo sát**

- Khoa và Bộ môn rà soát, đánh giá và lựa chọn các ý kiến đóng góp của các bên liên quan về chuẩn đầu ra, mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo học phần, hoạt động giảng dạy cần chỉnh sửa, bổ sung.

- Cần có giải pháp lấy ý kiến các nhà tuyển dụng, nhà sử dụng lao động ở tuyến huyện, và các tuyến cơ sở khác.

 **TRƯỞNG BỘ MÔN**

 **PGS. TS. Trần Viết An**

***Nơi nhận:***

* Khoa;
* Đơn vị có liên quan.

***Lưu:*** VP bộ môn.